

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày 02 - 4 - 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc Thiện**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Hữu Tín**
2. Ông **Nguyễn Văn Thông**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Mùi** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Diệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Thị Ánh X**; giới tính: nữ; tên gọi khác: không; Sinh ngày 03 tháng 3 năm 1987, tại: T, Quảng Nam; Nơi ĐKKHKT: Khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Nghề nghiệp: kế toán; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Đinh Nhật V (sinh năm 1967), con bà: Phan Thị Kim M (sinh năm 1968), trú tại Khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Gia đình bị cáo có 02 người con, bị cáo là con đầu. Bị cáo có chồng là Nguyễn Hà Gia L (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

+ Công ty TNHH MTV T, địa chỉ: số C đường N, khối phố T, Phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Đại diện theo pháp luật: bà Phạm Bảo D, sinh năm: 1993, địa chỉ: F L, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Công ty Cổ phần T1, địa chỉ: 6 N, khối phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Bích S, sinh năm: 1980, địa chỉ: khối phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người làm chứng:

+ Ông Trần C, sinh năm: 1971, địa chỉ: thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1973, địa chỉ: tổ E, thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1972, địa chỉ: khối phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Bà Phan Thị Bích L1, sinh năm: 1980, địa chỉ: tổ D, thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị Bích N1, sinh năm: địa chỉ: khối phố N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Một thành viên T (sau đây gọi tắt là Công ty T) được thành lập ngày 26/9/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q cấp ngày 26/9/2017. Công ty T có trụ sở tại Số C N, khối phố T, phường T, thành phố T do bà Phạm Bảo D (sinh năm 1993, trú khối phố T, phường T, thành phố T) làm Giám đốc và bà Nguyễn Thị Bích S (sinh năm 1980, trú khối phố M, phường T, thành phố T) làm kế toán trưởng. Đinh Thị Ánh X được Công ty T ký hợp đồng lao động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2021, nhiệm vụ được phân công là nhân viên bán hàng và thu tiền hàng về cho Công ty.

Tháng 12/2021, Công ty T ngừng hoạt động kinh doanh, Đinh Thị Ánh X được Công ty T cho thôi việc và chuyển sang làm việc cho Công ty Cổ phần T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) có trụ sở tại Số F N, khối phố T, phường T, thành phố T do bà Nguyễn Thị Bích S (có lai lịch nêu trên) là Giám đốc, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu ngày 09/11/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q cấp ngày 09/11/2021. Đinh Thị Ánh X được Công ty T1 ký hợp đồng lao động làm nhân viên kế toán và hưởng lương mỗi tháng là 4.500.000 đồng.

Quá trình thực hiện công việc, X được Công ty T1 giao nhiệm vụ làm kế toán kiêm nhân viên bán hàng, thu tiền bán hàng. Theo quy định, sau khi thu tiền của khách hàng thì X phải nộp ngay cho hai Công ty trên qua bà Nguyễn Thị Bích S, bà S ghi vào sổ Nhật ký hằng ngày của Công ty và ký nhận. Sau đó đến cuối kỳ, Công ty sẽ đối chiếu công nợ với khách hàng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Công ty T và Công ty T1, X đã có 08 (tám) lần đi thu tiền bán hàng (xi măng)

tại các đại lý của hai Công ty này nhưng không nộp về cho Công ty theo quy định mà tự ý chiếm đoạt tổng số tiền 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng) sử dụng vào mục đích cá nhân. Trong đó, X đã chiếm đoạt của Công ty Phạm Bảo Duyên số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) và chiếm đoạt của Công ty T1 số tiền 52.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Tại Công ty T: ngày 21/10/2021, X đến đại lý Vật liệu xây dựng H2 (địa chỉ: đường N, phường H, thành phố T), ký tên vào sổ và thu tiền hàng của ông Nguyễn Văn H là giám đốc với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhưng không nộp về cho Công ty T.

- Tại Công ty T1:

- + Ngày 19/01/2022, X đến tại Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng Q1 (địa chỉ: thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) thu tiền hàng của bà Nguyễn Thị N là chủ hộ kinh doanh với số tiền: 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) nhưng chỉ nộp về Công ty T1 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), số tiền còn lại 2.000.000đ (hai triệu đồng), X chiếm đoạt sử dụng tiêu xài cá nhân.

- + Ngày 25/6/2022, X tiếp tục đến Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng Q thu tiền hàng của bà Nguyễn Thị N với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nhưng không nộp về cho Công ty T1.

- + Ngày 02/6/2022, X đến tại cửa hàng V1 (địa chỉ: thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) ký vào sổ và thu tiền hàng của bà Phan Thị Bích L1 là chủ đại lý với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhưng không nộp về cho Công ty T1.

- + Ngày 11/12/2022, X tiếp tục đến cửa hàng vật liệu xây dựng Hành Lý thu số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nhưng không nộp về cho Công ty.

- + Ngày 26/4/2022, X đến tại Doanh nghiệp tư nhân L2 (địa chỉ: khối phố N, phường A, thành phố T) ký vào sổ và nhận tiền hàng của bà Đỗ Thị Bích N1 là chủ đại lý với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nhưng không nộp về cho Công ty T1.

- + Ngày 18/11/2022, X tiếp tục đến Doanh nghiệp tư nhân L2 thu tiền hàng của bà Đỗ Thị Bích N1 với số tiền 5.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền trên của Công ty T1.

- + Ngày 29/8/2022, X đến Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng Trần C (địa chỉ: thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam) thu tiền hàng của ông Trần C (tên thường gọi Trần Q) với số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) nhưng đến ngày 03/11/2022, X mới nộp về cho Công ty T1 số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và tự ý chiếm đoạt số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) sử dụng mục đích cá nhân.

Ngày 27/01/2023, Đinh Thị Ánh X tự ý nghỉ việc và không bàn giao hồ sơ, sổ sách cho Công ty T1. Qua đối chiếu công nợ thì thực tế các đại lý đã không còn nợ số tiền trên của Công ty T và Công ty T1. Ngày 17/02/2023, bà Nguyễn Thị

Bích S, giám đốc Công ty T1 làm đơn tố cáo đối với Đinh Thị Ánh X về hành vi tham ô tài sản.

*** *Đồ vật, tài liệu tạm giữ:***

- 01 (một) hợp đồng lao động giữa Công ty CP T1 và bà Đinh Thị Ánh X (bản chính);

- 01 (một) hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH MTV T và bà Đinh Thị Ánh X (bản phô tô);

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên S1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/9/2017 (bản phô tô);

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4001241125 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/11/2021 (bản phô tô);

- 01 (một) Quyết định về việc cho thôi việc đối với nhân viên (bản gốc);

- 01 (một) tập tài liệu gồm 229 trang, nội dung: Sổ nhật ký hàng ngày tháng 10/2021 của Công ty T; Sổ nhật ký hàng ngày các tháng 01, 4, 6, 8, 11, 12/2022 của Công ty T1, tất cả là bản phô tô, có đóng dấu treo của Công ty T1;

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với H1 kinh doanh vật liệu xây dựng Trần C (đại lý Q2) (bản chính);

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với đại lý H3 (bản chính) và 03 (ba) tờ nhật ký công nợ của đại lý H3 (bản phô tô).

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với đại lý Q3 (bản chính) và 02 (hai) tờ nhật ký công nợ của đại lý Q3 (bản phô tô).

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với đại lý L3 (bản chính) và 02 (hai) bảng chi tiết nhập hàng hóa của đại lý L3 (bản phô tô).

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty TNHH MTV T với đại lý H2 (bản chính).

Tất cả các tài liệu trên đã được lưu theo hồ sơ vụ án.

*** *Về xử lý vật chứng:*** không.

*** *Về vấn đề dân sự trong vụ án:*** ngày 11/5/2023, Đinh Thị Ánh X tự nguyện hoàn trả số tiền 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu đồng) cho Nguyễn Thị Bích S, gồm 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng) đã chiếm đoạt của Công ty T và Công ty T1, số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) nợ cá nhân bà S.

Tại Cơ quan điều tra, Đinh Thị Ánh X khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ và tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSTK-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ đã truy tố bị cáo Đinh Thị Ánh X về tội

“*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đinh Thị Ánh X theo như Cáo trạng nêu trên. Đồng thời nhận định: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã khắc phục lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho Công ty T và Công ty T1, bị hại có đơn bãi nại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Thị Ánh X từ 30 đến 36 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Thị Ánh X thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH MTV T, địa chỉ: số C đường N, khối phố T, Phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam và Công ty Cổ phần T1, địa chỉ: 6 N, khối phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt và bị hại không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và người làm chứng. Tuy nhiên, người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292; Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Đinh Thị Ánh X khai nhận toàn bộ nội hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng quy kết.

[2.2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định, bị cáo

Đinh Thị Ánh X là nhân viên bán hàng, thu tiền hàng của Công ty TNHH Một thành viên T từ tháng 01/2018 đến đầu tháng 01/2022, X chuyển sang làm kế toán kiêm nhân viên bán hàng, thu tiền hàng của Công ty Cổ phần T1 xây dựng Trường T1. Lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn được giao, trong khoảng thời gian từ ngày 21/10/2021 đến ngày 11/12/2022, Đinh Thị Ánh X đã 08 lần đến các đại lý thu tiền nợ nhưng không giao nộp về Công ty theo quy định hoặc nộp về cho Công ty ít hơn số tiền đã thu để nhiều lần chiếm đoạt tổng số tiền 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng) sử dụng tiêu xài cá nhân. Trong đó, X đã chiếm đoạt của Công ty Phạm Bảo Duyên số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) và chiếm đoạt của Công ty T1 số tiền 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng). Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Đinh Thị Ánh X đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tham ô tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội hai lần trở lên*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, thì thấy: Quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cơ quan, tổ chức và cá nhân được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ. Bị cáo Đinh Thị Ánh X có đủ năng lực nhận thức được điều đó nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn của mình được giao để chiếm đoạt tài sản do bản thân bị cáo có trách nhiệm quản lý là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty TNHH Một thành viên T và Công ty Cổ phần T1 Đồng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý, cần được xử phạt nghiêm minh trước pháp luật và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có chồng đã ly hôn, hiện đang nuôi con nhỏ sinh năm 2014. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt

dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về loại hình phạt áp dụng: Xét tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ sức răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt và bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng là các tài liệu có liên quan đến vụ án cần tịch thu đưa vào hồ sơ vụ án, gồm:

- 01 (một) hợp đồng lao động giữa Công ty CP T1 và bà Đinh Thị Ánh X (bản chính);

- 01 (một) hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH MTV T và bà Đinh Thị Ánh X (bản phô tô);

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên S1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/9/2017 (bản phô tô);

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4001241125 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/11/2021 (bản phô tô);

- 01 (một) Quyết định về việc cho thôi việc đối với nhân viên (bản gốc);

- 01 (một) tập tài liệu gồm 229 trang, nội dung: Sổ nhật ký hàng ngày tháng 10/2021 của Công ty T; Sổ nhật ký hàng ngày các tháng 01, 4, 6, 8, 11, 12/2022 của Công ty T1, tất cả là bản phô tô, có đóng dấu treo của Công ty T1;

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với H1 kinh doanh vật liệu xây dựng Trần C (đại lý Q2) (bản chính);

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với đại lý H3 (bản chính) và 03 (ba) tờ nhật ký công nợ của đại lý H3 (bản phô tô).

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với đại lý Q3 (bản chính) và 02 (hai) tờ nhật ký công nợ của đại lý Q3 (bản phô tô).

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với đại lý L3 (bản chính) và 02 (hai) bảng chi tiết nhập hàng hóa của đại lý L3 (bản phô tô).

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty TNHH MTV T với đại lý H2 (bản chính).

[9] Về án phí: Bị cáo Đinh Thị Ánh X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đinh Thị Ánh X phạm tội: “*Tham ô tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Ánh X 02 (*Hai*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 27 tháng 6 năm 2023.

3. Về xử lý vật chứng:

Tuyên tịch thu các tài liệu sau đây để lưu vào hồ sơ vụ án:

- 01 (một) hợp đồng lao động giữa Công ty CP T1 và bà Đinh Thị Ánh X (bản chính);

- 01 (một) hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH MTV T và bà Đinh Thị Ánh X (bản phô tô);

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên S1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/9/2017 (bản phô tô);

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4001241125 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/11/2021 (bản phô tô);

- 01 (một) Quyết định về việc cho thôi việc đối với nhân viên (bản gốc);

- 01 (một) tập tài liệu gồm 229 trang, nội dung: Sổ nhật ký hàng ngày tháng 10/2021 của Công ty T; Sổ nhật ký hàng ngày các tháng 01, 4, 6, 8, 11, 12/2022 của Công ty T1, tất cả là bản phô tô, có đóng dấu treo của Công ty T1;

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với H1 kinh doanh vật liệu xây dựng Trần C (đại lý Q2) (bản chính);

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với đại lý H3 (bản chính) và 03 (ba) tờ nhật ký công nợ của đại lý H3 (bản phô tô).

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với đại lý Q3 (bản chính) và 02 (hai) tờ nhật ký công nợ của đại lý Q3 (bản phô tô).

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty CP T1 với đại lý L3 (bản chính) và 02 (hai) bảng chi tiết nhập hàng hóa của đại lý L3 (bản phô tô).

- 01 (một) Bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty TNHH MTV T với đại lý H2 (bản chính).

4. Về án phí: Bị cáo Đinh Thị Ánh X phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (02/04/2024). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, thành phố;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Quốc Thiện